

Số: 60/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu cải táng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu cải táng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai); Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu cải táng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai), như sau:

1. Địa điểm: Thuộc xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc khoảnh 6, tiểu khu 150, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định).

2. Diện tích: 2,67 ha.

3. Quy hoạch: Rừng sản xuất.

4. Hiện trạng: Rừng trồng gỗ (TG) 1,03 ha (Keo lai 0,44 ha; Bạch đàn 0,59 ha); Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR) 1,64 ha, loài cây Bạch đàn.

5. Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ, cụ thể:

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
Khu vực 1					
1	1576711.24	598200.75	5	1576673.00	598168.00
2	1576711.20	598199.15	6	1576648.30	598162.24
3	1576708.45	598194.69	7	1576697.52	598197.86
4	1576694.15	598181.28			
Khu vực 2					
1	1576430.02	598091.12	6	1576190.47	597879.07
2	1576431.00	598005.00	7	1576167.62	597946.55
3	1576458.44	598024.85	8	1576191.29	597951.71
4	1576338.79	597919.28	9	1576346.50	598036.15
5	1576291.30	597878.00			

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung